TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2024/HS-ST
Ngày: 14/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Ngô Thị Hồng**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Quang Thị Ngà**
2. Ông Nguyễn Hữu Đệ

- *Thư ký phiên toà:* Bà ***Trương Thị Hà*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Kiểm sát viên **– ông Nguyễn Doãn Hải**

Ngày 14/03/2024, tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/HSST ngày 06/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST - HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn Ph**, Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1994 tại Hải Phòng; Nơi thường trú và chỗ ở: Thôn 7, C, Th, Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Hoàng Văn C; Con bà: Hoàng Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Q (Đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2016; nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giữ từ ngày 01/12/2023, tạm giam từ ngày 04/12/2023 đến nay tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị hại: Anh Tống Văn Tr, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Khu 1, Th, thị xã Ph, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng công khai tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Tống Văn Tr thuê phòng trọ của anh Vũ Anh T (sinh năm 1982) tại thôn B, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Khoảng cuối tháng 5 năm 2021, Hoàng Văn Ph đến gặp anh T thuê phòng tại tầng 3, đối diện với phòng của anh Tr. Do Ph không có việc làm nên anh Tr rủ Ph đi làm cùng và bảo Ph đưa Căn cước công dân để đăng ký thủ tục khai báo y tế khi ra vào nơi làm việc và anh Tr chụp lại căn cước công dân của Ph để sử dụng khi cần thiết. Quá trình đi làm, Ph không có điện thoại nên anh Tr cho Ph mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 Pro, vỏ màu vàng (không rõ số Imeil) để sử dụng. Trong thời gian này, nhiều lần anh Tr cho Ph vay tiền. Ph sử dụng tiền vào mục đích cá nhân và đều đã trả lại cho anh Tr. Ngày 07/6/2021 Ph tiếp tục hỏi vay anh Tr số tiền 4.970.000 đồng, anh Tr đồng ý nên chị Nguyễn Thị L (sinh năm 1983; HKTT: tổ 2, phường Ph, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh - người yêu anh Tr) sử dụng số tài khoản 19036090413010 của anh Tr mở tại ngân hàng Techcombank chuyển tiền đến số tài khoản 104873310296 của Ph mở tại ngân hàng Viettinbank. Ngày 21/6/2021, Ph tiếp tục hỏi vay tiền anh Tr để đầu tư kinh doanh và hẹn mấy ngày sau trả. Do không có tiền nên anh Tr nói sẽ mang chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax đi cầm cố lấy tiền cho Ph vay và Ph chịu lãi suất cầm cố. Ph đồng ý và cùng anh Tr đến cửa hàng cầm đồ (không rõ tên quán, địa chỉ cụ thể) cầm cố chiếc điện thoại trên được 20.000.000 đồng cho Ph vay, không viết giấy tờ gì trong thời gian ở trọ và đi làm Ph đánh rơi chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 Pro anh Tr cho mượn, không rõ rơi tại đâu.

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 23/6/2021, Ph sang phòng trọ của anh Tr cùng xem bóng đá và ngủ lại tại đây. Đến khoảng 8 giờ 30’ ngày 24/6/2021, Ph ngủ dậy thấy anh Tr đang ngủ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe máy của anh Tr lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ph lấy Chứng nhận đăng ký xe trong ví (ví để tại nền nhà, gần đầu giường chỗ anh Tr ngủ) và tháo chìa khóa xe máy khỏi chùm chìa khóa của anh Tr để tại nền nhà, cuối đuôi giường, gần cửa ra vào phòng trọ. Sau đó, Ph đi xuống tầng 1, cắm chìa khóa vào ổ khóa chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade sơn màu đen-trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 của anh Tr để ở chân cầu thang tầng 1 rồi dắt lùi xe khoảng 2m dựng chân chống quay đầu xe ra cửa rồi điều khiển xe bỏ đi. Trên đường đi, Ph đến một cửa hiệu cầm đồ (không nhớ tên, địa chỉ) tại thôn B, xã K để cầm cố chiếc xe máy trên. Ph nói với chủ cửa hàng (nam giới, không rõ lai lịch) “anh cầm cho em con xe này”, anh chủ quán hỏi “xe của ai, có giấy tờ gì không” thì Ph đáp “xe của em, em mua lại chưa sang tên” đồng thời đưa giấy đăng ký xe cho anh chủ quán xem. Anh chủ quán nhận cầm cố với giá 10.000.000 đồng, Ph đồng ý. Anh chủ quán đưa số tiền 10.000.000 đồng tiền mặt và đề nghị lập giấy cầm cố tài sản nhưng Ph nói không cần lập giấy tờ gì rồi bỏ đi.

Khoảng 10 giờ 00’ ngày 24/6/2021, anh Tr ngủ dậy không thấy xe máy đâu nên nói chuyện với anh T thì được biết khoảng 8 giờ 30’ ngày 24/6/2021 anh T thấy Ph điều khiển xe của anh Tr đi ra khỏi nhà trọ, anh Tr nhiều lần liên lạc với Ph không được nên đến Công an xã K thuộc Công an huyện Đ tố giác tội phạm.

Ngày 26/6/2021, chị L được anh Tr kể lại việc cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax cho bị cáo Ph vay tiền và bị Ph trộm cắp tài sản nên cùng anh Tr đến cửa hàng cầm đồ chuộc lại chiếc điện thoại trên với giá 20.800.000 đồng.

Hội đồng thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu trắng-đen, số khung: 101788, số máy 0103984 trị giá: 9.800.000 đồng

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A9 Pro, vỏ màu vàng, trị giá: 3.000.000 đồng

Đối với chiếc xe Honda Airblade sơn màu đen - trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 là do chị Nguyễn Thị L đến cửa hàng cầm đồ tại C, Quảng Ninh (không nhớ tên cửa hiệu, địa chỉ cụ thể) để mua xe máy hộ anh Tr vào khoảng cuối năm 2012. Quá trình mua chị L kiểm tra thông tin trên Giấy đăng ký xe trùng khớp với thông tin trên chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, sơn màu đen-trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 nên đồng ý mua với giá 28.500.000 đồng; chủ cửa hàng viết Giấy bán xe giao cho chị L nhưng do thời gian đã lâu nên bị thất lạc.

Tra cứu đối với biển kiểm soát 14T4-9104 xác định biển kiểm soát trên cấp cho chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ, SK: VBSPCH0024X010332, SM: VBS152FMH00010332, chủ đăng ký: Vũ Việt H (sinh năm 1973; HKTT: tổ 2, khu 6, Q, C, Quảng Ninh), chiếc xe này không nằm trong dữ liệu xe mô tô vật chứng. Tại Cơ quan điều tra, anh Vũ Việt H trình bày: Anh H từng đi đấu giá thanh lý tài sản của cơ quan chức năng, trong đó có xe mô tô, xe gắn máy rồi đi đăng ký chủ sở hữu và bán lại cho người có nhu cầu sử dụng, khi mua bán có viết giấy tờ mua bán nhưng thời gian đã lâu nên không nhớ thông tin người mua. Hiện anh H không quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô BKS: 14T4-9104, không rõ ai đang quản lý, sử dụng.

Tra cứu đối với chiếc xe số khung 101788, số máy 0103984 xác định số khung, số máy trên là của chiếc xe máy Honda màu đen-bạc, BKS: 30X5-2582, chủ đăng ký: Đỗ Ngọc H (sinh năm 1984; HKTT: 41 ngõ 66 phố G, thị trấn Th, Th, Hà Nội), chiếc xe này không nằm trong dữ liệu xe mô tô vật chứng.Tại Cơ quan điều tra, anh Đỗ

Ngọc H trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2009 anh H mua và đứng tên đăng ký chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen - bạc, BKS: 30X5-2582, SK: 101788, SM: 0103984. Khoảng tháng 6 năm 2012 anh H bị trộm cắp chiếc xe mô tô trên tại nhà để xe của ngân hàng Agribank chi nhánh Th thuộc phố G, thị trấn Th, Th, Hà Nội và đã trình báo Công an huyện Th.

Đối với việc chị L mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade sơn màu đen - trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 và anh Tr sử dụng xe: Chị L và anh Tr không rõ nguồn gốc chiếc xe do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị L và anh Tr.

Đối với chiếc xe máy có số khung: 101788, số máy 0103984 của anh Đỗ Ngọc H là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản tại phố G, thị trấn Th, Th, Hà Nội; anh H đã trình báo Công an huyện Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Đ không tổ chức điều tra

Đối với Chứng nhận đăng ký xe của chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade sơn màu đen - trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 có dấu hiệu bị làm giả, Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh nhưng không thu giữ được nên không đủ căn cứ để xác định có hay không hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS-ĐA ngày 01/02/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Hoàng Văn Ph về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hoàng Văn Ph: Từ 8 đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền bị cáo .

Về phần dân sự: Bà Hoàng Thị T đã thay mặt bị cáo bồi thường số tiền 9.800.000 đồng giá trị tài sản.

Về phần vật chứng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: khoảng 8 giờ 30’ ngày 24/6/2021, bị cáo Hoàng Văn Ph đã có hành vi lén lút, chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade sơn màu đen-trắng, biển kiểm soát: 14T4-9104, số khung: 101788, số máy 0103984 là tài sản của anh Tống Văn Tr để ở chân cầu thang tầng 1, trị giá tài sản là 9.800.000 đồng (*Chín triệu tám trăm nghìn đồng*).

Hành vi của Hoàng Văn Ph đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy, hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã cùng gia đình bồi thường toàn bộ giá trị tài sản trộm cắp cho bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đi khỏi nơi cư trú, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo. Do đó, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe máy bị cáo Ph trộm cắp của anh Tr có trị giá 9.800.000 đồng đã được mẹ của bị cáo bồi thường thay cho bị cáo. Về giá trị chiếc xe, anh Tr không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền 30.200.000 đồng của anh Tr (gồm 3.000.000 đồng trị giá chiếc điện thoại Ph mượn bị mất, 25.770.000 đồng số tiền anh Tr cho Ph vay và 1.430.000 đồng chi phí đi lại về nhà Ph giải quyết vụ việc). Tại phiên tòa, bị cáo xác định đây là quan hệ dân sự, không liên quan đến chiếc xe do bị cáo trộm cắp, bị cáo đề nghị sau khi bị cáo chấp hành án xong sẽ giải quyết với anh Tr hoặc giải quyết bằng một vụ việc khác. Hội đồng xét xử thấy đây là quan hệ dân sự, dành quyền khởi kiện cho bị hại trong vụ kiện dân sự khác khi bị hại có yêu cầu.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo cầm cố chiếc xe trộm cắp, xét chiếc xe máy của anh trọng có trị giá 9.800.000 đồng, bị cáo đã giải quyết bồi thường cho anh Tr số tiền 9.800.000 đồng, số tiền 200.000 đồng còn lại do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Ph 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2023.

Bị cáo Hoàng Văn Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS ND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thị Hồng